

Số: 89/2022/QĐST - HNGĐ

K, ngày 18 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983;

- Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1978;

Đều trú tại: Xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 37 và Điều 60 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và hoà giải thành của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983 và anh Bùi Văn M, sinh năm 1978, đều trú tại: Xóm B, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn M có hai con chung là Bùi Thị Bảo Ch, sinh ngày 12/9/2008 và Bùi Thanh Ch, sinh ngày 27/5/2012. Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn M thỏa thuận anh Bùi Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Anh M chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị H được quyền thăm nom con chung mà không gây ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn M xác nhận có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền 25.000.000VND (*hai mươi lăm triệu đồng*) và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hồ sơ vay vốn mã khách hàng 1700098055 của Ngân hàng chính sách xã hội, mã món vay 6600000717522372, vay ngày 18/4/2020 theo sản phẩm vay cho hộ thoát nghèo. Anh M và chị H thỏa thuận anh Bùi Văn M có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền 25.000.000VND (*hai mươi lăm triệu đồng*) cho Ngân hàng chính sách xã hội khi đến hạn và lãi phát sinh, tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với Ngân hàng chính sách xã hội.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000VND (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã bao gồm phần án phí của anh M, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000835, ngày 18/4/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Đối trừ chị Bùi Thị H đã chấp hành xong nghĩa vụ về án phí và được hoàn trả lại 150.000VND (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện K;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K - nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự.
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đà Giang.

